

Bản án số: 116/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
 - **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Ngô Tiến Thành**,
 2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**.
 - **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.
- Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 444/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:
1. **Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 24 hẻm 1 tổ 12, Hòa Trung, Vĩnh Hòa, Nha Trang. Có mặt
 2. **Bị đơn: Võ Hồng S**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 20 thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 03/4/2017, bản tự khai ngày 05/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang. Trong cuộc sống chung hai bên xảy ra bất hòa do anh S không chăm lo làm ăn, suốt ngày cờ bạc, rượu chè nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không thể hòa hợp nên không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Mặc dù, chị P và anh S đã tự hòa giải nhiều lần để tiếp tục chung sống nhưng không đạt được kết quả. Nay chị P nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa vì mâu thuẫn đã kéo dài không thể hàn gắn được nên chị P yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S có 02 con chung là Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009 và Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013. Nay chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung là Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009 và Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013. Trước khi mở phiên

tòa, chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng tại phiên tòa chị P yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (tức là mỗi tháng 2.000.000đ cho cả 02 con chung), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 08/5/2017 và tại phiên tòa, anh Võ Hồng S trình bày:* Anh Võ Hồng S thừa nhận quá trình chung sống và kết hôn đúng như chị P trình bày. Anh S xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến kinh cãi, nay chị P yêu cầu ly hôn anh S đồng ý.

Về con chung: Anh S xác định vợ chồng có 02 con chung là Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009 và Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013. Anh S đồng ý giao con chung Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh S yêu cầu được nuôi cháu Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Do trong cuộc sống vợ chồng chị P và anh S luôn bất đồng quan điểm nên dẫn đến việc chị P xin ly hôn. Xét việc ly hôn của chị P là đúng pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh tình trạng hôn nhân, nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án đang giải quyết. Theo biên bản xác minh ngày 12/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang cho thấy: Chính quyền địa phương không nắm được tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S vì không ai trình báo về vấn đề này. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang biết được chị P đã đi khỏi thôn Hòn Nghê 2, xã Vĩnh Ngọc từ năm tháng trước, không còn chung sống với anh S và đang cư trú tại số 24 hẻm 1 tổ 12, phường Vĩnh Hòa, Nha Trang.

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên...*” và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành lấy lời

khai của cháu Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009, nguyện vọng của cháu B là được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang (theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2008 cấp ngày 09/5/2008). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị P cho thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng về quan điểm từ đó xảy ra kinh cãi và mâu thuẫn kéo dài; mặc dù hai bên nhiều lần tự hòa giải để tiếp tục chung sống nuôi dạy con cái nhưng không đạt được kết quả. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị P nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân. Đối với lời khai của anh S, anh S thừa nhận quá trình chung sống và kết hôn đúng như chị P trình bày. Anh S xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống là do tính tình không hòa hợp và xảy ra kinh cãi kéo dài, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh S đồng ý ly hôn.

Qua lời khai của chị P, anh S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S có nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài; hiện nay chị P khẳng định không còn tình cảm với anh S và đã sống ly thân nên yêu cầu ly hôn. Đồng thời anh S cũng xác định không còn tình cảm với chị P nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung của chị P và anh S có nhiều mâu thuẫn, hai bên xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung là Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009 và Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (tức là mỗi tháng 2.000.000đ cho cả 02 con chung), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi; Anh S đồng ý giao con chung Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T. Ngoài ra, anh S yêu cầu được nuôi cháu Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh S tự nguyện thỏa thuận giao cháu Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, xét thấy sự thỏa thuận này là có căn cứ được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình nên chị P được tiếp tục chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Võ Hồng Bảo T đến tuổi trưởng thành.

Đồng thời, hiện nay cháu Võ Hồng Trí B đang được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, chị P có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định, đã có nhà riêng đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện. Ngoài ra nguyện vọng của cháu B là được ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Chị P yêu cầu anh S cấp

dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (tức là mỗi tháng 2.000.000đ cho cả 02 con chung), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cháu B cũng như của chị P nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, chị P được tiếp tục chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung Võ Hồng Trí B và Võ Hồng Bảo T đến tuổi trưởng thành. Anh S cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (tức là mỗi tháng 2.000.000đ cho cả 02 con chung), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, chị P phải tạo điều kiện cho anh S thăm nom con và không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị P và anh S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

* *Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Quá trình chung sống các đương sự xảy ra mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn, được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết tài sản như nêu trên là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hồng Trí B, sinh ngày 18/3/2009 và Võ Hồng Bảo T, sinh ngày 12/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu trưởng thành. Anh S cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (tức là mỗi tháng 2.000.000đ cho cả 02 con chung), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006534 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Chị P đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Hồng S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

** Quy định:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Hồng S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND P.Vĩnh Hòa, Nha Trang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu